

KẾ HOẠCH**Rà soát, hướng dẫn triển khai****Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn
giai đoạn 2022 - 2030**

Thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”; Quyết định số 1125/QĐ-BGDĐT ngày 11/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh kế hoạch nhiệm vụ năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch rà soát, hướng dẫn triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 – 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Rà soát tình hình triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030 (sau đây gọi là Chương trình); kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện;
- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình trong thời gian tới; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch triển khai Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo nếu phát sinh yêu cầu cần thiết.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát bảo đảm khách quan, thực chất, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình và tình hình triển khai tại các địa phương;
- Các hoạt động khảo sát, hội thảo và hướng dẫn cần thiết thực, tiết kiệm, tập trung tháo gỡ vướng mắc, không làm phát sinh thêm thủ tục, hội họp hay báo cáo không cần thiết;
- Nội dung hướng dẫn tập trung vào những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc hoặc chưa thống nhất trong quá trình thực hiện; đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiến độ, theo đúng quy định pháp luật.

II. NỘI DUNG**1. Rà soát thực trạng triển khai Chương trình**

- Công tác chủ trì, tham mưu ban hành cơ chế, hướng dẫn... của các Cục/Vụ theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 2029/QĐ-BGDĐT (sản phẩm, tiến độ; những việc chưa hoàn thành).
- Tình hình triển khai Chương trình tại các địa phương:
 - + Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo từng nhóm giải pháp tại Quyết định số 1609/QĐ-TTg; cơ chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, chính quyền cấp xã và cơ sở giáo dục;

- Những khó khăn, vướng mắc, bất cập; phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất, kiến nghị theo thẩm quyền.

- Khảo sát trực tiếp 03 đơn vị, các địa phương khác thực hiện trực tuyến hoặc cung cấp bổ sung thông tin khi cần thiết.

2. Báo cáo, đề xuất

- Xây dựng báo cáo rà soát kết quả triển khai Chương trình

- + Kết quả thực hiện từng mục tiêu, chỉ tiêu đến 31/5/2026; xác định các chỉ tiêu còn khoảng cách lớn hoặc có nguy cơ không hoàn thành (đối chiếu mục tiêu 2030); phân tích nguyên nhân và điều kiện cần bảo đảm;

- + Đánh giá tác động sau sắp xếp trường lớp: mức độ ổn định hoạt động; khả năng tiếp cận của trẻ; hiệu quả quản trị cơ sở có nhiều điểm trường; biến động đội ngũ, cơ sở vật chất và nguồn lực; những vấn đề cần điều chỉnh để không ảnh hưởng mục tiêu của Chương trình và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch triển khai Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu cần thiết);

- Xây dựng văn bản hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

3. Tổ chức hội thảo

- Nội dung: Xin ý kiến góp ý đối với dự thảo báo cáo; thảo luận các chỉ tiêu còn khoảng cách lớn so với mục tiêu năm 2030 và giải pháp thực hiện; góp ý dự thảo văn bản hướng dẫn triển khai giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch điều chỉnh (nếu có).

- **Thời gian, địa điểm, hình thức, thành phần**

- Hội thảo tham vấn: Dự kiến tháng 11/2026;

- + Địa điểm, hình thức: Theo hình thức tiếp kết hợp trực tuyến.

- + Thành phần:

Các đơn vị cấp Trung ương:

Đại diện: Bộ Giáo dục và Đào tạo: lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các Vụ/Cục: Kế hoạch - Tài chính, Giáo dục Mầm non, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (trực tiếp). Đại diện các cơ quan thông tấn báo chí; trung tâm truyền thông và sự kiện Bộ GDĐT.

Các đơn vị cấp địa phương:

Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố: 04 người/đơn vị, gồm: Đại diện Lãnh đạo Sở; lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách Giáo dục Mầm non, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ (các tỉnh dự trực tiếp: Phú Thọ, Lào Cai, Sơn La).

Tổng số đại biểu dự kiến khoảng 150 người, trong đó, dự trực tiếp là 35 người, còn lại dự trực tuyến. ***(Có lộ trình cụ thể kèm theo).***

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Giáo dục Mầm non

- Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch; xây dựng đề cương, biểu mẫu và hướng dẫn các địa phương rà soát, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp thông tin, số liệu; tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

- Chủ trì xây dựng Báo cáo kết quả rà soát; nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh Kế hoạch triển khai Chương trình (nếu có).

- Chủ trì xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Vụ Kế hoạch - Tài chính: phối hợp rà soát việc bố trí, huy động, sử dụng nguồn lực; nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất; tình hình thực hiện, giải ngân và đề xuất xử lý vướng mắc thuộc lĩnh vực kế hoạch, tài chính, đầu tư.

- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục: phối hợp rà soát định mức, số giáo viên còn thiếu; tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách đối với đội ngũ vùng khó khăn; đề xuất giải pháp bảo đảm đội ngũ đến năm 2030.

- Văn phòng Bộ và các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, tham gia góp ý, giải trình và đề xuất xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố

- Cử đại biểu tham gia Hội thảo đúng thành phần triệu tập; Chuẩn bị nội dung thảo luận phát biểu tại Hội thảo;

- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo đề cương (*gửi kèm Kế hoạch tại phụ lục 2,3*); Xây dựng báo cáo tham luận (*gửi kèm Kế hoạch tại phụ lục 4*), gửi về Bộ GDĐT (qua Vụ GDMN) trước ngày 30/9/2026; file báo cáo và biểu thống kê đề nghị gửi về địa chỉ email: ntmthao@moet.gov.vn.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Vụ Giáo dục Mầm non dự toán kinh phí, tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ/Cục: KHTC, NG&CBQLGD (để ph t/h);
- Sở GDĐT các tỉnh/TP (để th/h);
- Lưu: VT, GDMN (NTM Thảo, 5b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Quyên Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 1

Rà soát, hướng dẫn triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BGDĐT ngày /9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị/cá nhân phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
	Rà soát kết quả triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030	Vụ GDMN	- Vụ: KHTC, Cục NG&CBQLGD; - Sở GDĐT các tỉnh, thành phố	11/2026	- Kế hoạch rà soát triển khai Chương trình; - Báo cáo rà soát thực hiện Chương trình. - Dự thảo Văn bản hướng dẫn
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai			9/2026	Kế hoạch được ban hành
2	Khảo sát trực tiếp 03 tỉnh vùng khó khăn: Tuyên Quang, Lâm Đồng, Vĩnh Long			9-10/2026	Báo cáo khảo sát
3	Xây dựng báo cáo rà soát triển khai Chương trình; Dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình.			10- 11/2026	- Báo cáo rà soát thực hiện Chương trình - Báo cáo đề dẫn hội thảo; - Dự thảo Văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình.
4	Hội thảo tham vấn về thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2026 - 2030			10- 11/2026	- Hội thảo được tổ chức; - Báo cáo tham luận, góp ý của các đơn vị.
5	Báo cáo lãnh đạo Bộ về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình; Kế hoạch điều chỉnh (nếu có).			11/2026	Tờ trình báo cáo Lãnh đạo Bộ.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 2

Đề cương báo cáo kết quả thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BGDĐT ngày / /2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. Kết quả tổ chức, triển khai, chỉ đạo, ban hành văn bản thực hiện

B. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của tỉnh/thành phố

Phần 1: Thực trạng phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn

1. Quy mô trường, lớp học;
2. Tình hình huy động trẻ và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục
3. Đội ngũ giáo viên mầm non;
4. Cơ sở vật chất trường, lớp học

* Lưu ý: Đánh giá và so sánh với thực trạng phát triển chung của toàn cấp học tại địa phương.

Phần 2: Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể
 - a) Đối với trẻ em
 - b) Đối với giáo viên
 - c) Đối với cơ sở giáo dục mầm non

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn
2. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ
3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất
4. Triển khai chương trình giáo dục mầm non phù hợp với vùng khó khăn, phù hợp với đặc điểm tiếp nhận và văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em
5. Huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn
6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình

III. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

2. Khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc

- Nêu rõ các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình tại địa phương.
- Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc;
- Giải pháp đã thực hiện của tỉnh/thành phố (Nêu rõ giải pháp, đề án; chính sách... của tỉnh nếu có để thực hiện Chương trình).

IV. Đề xuất, kiến nghị

- 4.1. Đối với Chính phủ.
- 4.2. Đối với các Bộ ngành./.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 3

Biểu mẫu thống kê kèm theo báo cáo quả thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BGDĐT ngày / /2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Thống kê số liệu của các cơ sở GDMN vùng khó khăn theo Quyết định
số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 - Số liệu tính đến 31/5/2026)

TT	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra	
				Công lập	Dân lập, tư thực
1	Trường mầm non	Trường			
	<i>Tr. đó: Trường đạt chuẩn quốc gia</i>	"			
2	Cơ sở GDMN độc lập (nếu có)	Đơn vị			
3	Lớp học				
a)	Nhà trẻ	Nhóm			
b)	Mẫu giáo	Lớp			
	+ Lớp MG 3-4 tuổi	"			
	+ Lớp MG 4-5 tuổi	"			
	+ Lớp MG 5-6 tuổi	"			
4	Trẻ em				
4.1	Nhà trẻ				
	- Dân số	Trẻ			
	- Số trẻ huy động	"			
	- Tỷ lệ huy động	%			
	- Số trẻ được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ	Trẻ			
4.2	Mẫu giáo				
	- Dân số	Trẻ			
	- Số trẻ huy động	"			
	- Tỷ lệ huy động	%			
a)	Trẻ 3 tuổi (3-4)				
	- Dân số	Trẻ			
	- Số trẻ huy động	"			
	- Tỷ lệ huy động	%			
	- Số trẻ được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ	Trẻ			
b)	Trẻ 4 tuổi (4-5)				
	- Dân số	Trẻ			
	- Số trẻ huy động	"			

TT	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra	
				Công lập	Dân lập, tư thực
	- Tỷ lệ huy động	%			
	- Số trẻ được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ	Trẻ			
c)	Trẻ 5 tuổi (5-6)				
	- Dân số	Trẻ			
	- Số trẻ huy động	"			
	- Tỷ lệ huy động	%			
	- Số trẻ được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ	Trẻ			
5	Trẻ em học 2 buổi/ngày	Trẻ			
	- Nhà trẻ	"			
	- Mẫu giáo	"			
6	Trẻ em được tổ chức ăn bán trú	Trẻ			
	- Nhà trẻ	"			
	- Mẫu giáo	"			
7	Trẻ em suy dinh dưỡng	"			
	- Nhà trẻ	"			
	+ Nhẹ cân	"			
	+ Thấp còi	"			
	+ Béo phì	"			
	- Mẫu giáo	"			
	+ Nhẹ cân	"			
	+ Thấp còi	"			
	+ Béo phì	"			
8	Đội ngũ				
a)	Giáo viên	Người			
	- Bình quân GV/lớp	"			
	- GV đạt chuẩn trình độ đào tạo	"			
	- GV trên chuẩn trình độ đào tạo	"			
	- Số GV thiếu theo định mức	"			
	- Giáo viên là người dân tộc thiểu số	"			
	- Giáo viên biết tiếng mẹ đẻ của trẻ (đối với nhóm/lớp trực tiếp phụ trách)	"			
b)	CBQL	"			
	- Số CBQL thiếu	"			
	- GBQL là người dân tộc thiểu số				
	- CBQL biết tiếng mẹ đẻ của trẻ (tại cơ sở giáo dục công tác)				
c)	Nhân viên	"			
	- Số Nhân viên thiếu	"			

TT	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra	
				Công lập	Dân lập, tư thực
9	Phòng học	Phòng			
	- Phòng học kiên cố	"			
	- Phòng học bán kiên cố	"			
	- Phòng học tạm	"			
	- Phòng học nhờ/mượn	"			
	- Số phòng học thiếu	"			
10	Nhóm/Lớp có đủ thiết bị dạy học tối thiểu				
	- Nhà trẻ	Nhóm			
	- Mẫu giáo	Lớp			
11	Trường mầm non có đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định	Trường			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 4

Danh mục tham luận

Hội thảo tham vấn về việc thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BGDDĐT ngày /9/2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Hạn hoàn thành
1	Công tác ban hành Kế hoạch, chính sách địa phương thực hiện Chương trình	Lai Châu, Quảng Ninh	Trước 30/9/2026
2	Công tác phát triển đội ngũ (giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý) đáp ứng thực hiện tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ	Tuyên Quang, Đắk Lắk	
3	Công tác huy động nguồn lực đầu tư thực hiện mục tiêu phát triển cơ sở vật chất trường lớp của Chương trình;	Thái Nguyên, Sơn La, Nghệ An, Lạng Sơn	
4	Công tác huy động trẻ em tới trường lớp, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ	Quảng Trị, Gia Lai, Lào Cai	
5	Công tác xã hội hóa, hợp tác quốc tế, huy động các tổ chức, cá nhân, đoàn thể hỗ trợ nguồn lực thực hiện Chương trình	An Giang, Khánh Hòa, Điện Biên	